

15/10/2018
UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CÁC QUẬN: NN, TC, KAO, KHU
CÁC HUYỆN: VY, KE, KB, PC, TC, TP
VP: LBVP, CV: THAI NN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 158/TT-UBND

Hưng Yên, ngày 12 tháng 10 năm 2018

TỜ TRÌNH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	
C.V ĐẾN	Số: 124/2
	Ngày: 16/10/2018
	Chuyển:
	Lưu hồ sơ:

Về việc phê duyệt Dự án phát triển nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019 - 2021

Kính gửi: UBND tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số: 1690/QĐ-TTg ngày 16/9/2010 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Thủy sản Việt Nam đến năm 2020; 332/QĐ-TTg ngày 03/03/2011 phê duyệt đề án phát triển thủy sản đến năm 2020; 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình sản xuất Nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; 339/QĐ-TTg ngày 19/2/2013 phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và nâng cao năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020; 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; 1434/QĐ-TTg ngày 22/9/2017 về việc phê duyệt chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Nghị Quyết số 06/NQ-TU ngày 27/6/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XVIII về Chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH, giá trị gia tăng cao, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 1854/QĐ-UBND, ngày 12/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc Phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”.

Căn cứ Chương trình hành động số 337/CTr-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình UBND tỉnh Dự án phát triển nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019 – 2021 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Phát triển nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019 - 2021.

2. Mục tiêu của dự án

- Phát triển nuôi cá lồng trên sông là một trong những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhằm khai thác tiềm năng diện tích mặt nước trên sông để phát triển bền vững ngành thủy sản, phấn đấu trở thành ngành sản xuất

hàng hóa lớn; có cơ cấu và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, gắn với bảo vệ sức khỏe cộng đồng, môi trường sinh thái; tạo ra sản phẩm hàng hóa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm hướng đến xuất khẩu; tạo việc làm, từng bước nâng cao thu nhập và mức sống của người dân.

- Phát triển nuôi cá lồng phải theo quy hoạch phát triển thủy sản của tỉnh đã được phê duyệt, phát triển theo hướng bền vững, đảm bảo an toàn đê điều, an toàn giao thông thủy nội địa, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự tại địa phương có vùng nuôi, chấp hành nghiêm chỉnh theo các quy định của pháp luật.

- Giai đoạn 2019 - 2021, toàn tỉnh Hưng Yên phát triển thêm 300 lồng nuôi cá thâm canh trên sông Hồng, sông Luộc; đối tượng nuôi chính là: cá Lăng, Chép giòn, Diêu Hồng, Rô phi đơn tính, cá Ngạnh ... với năng suất trung bình ước đạt 4 - 6 tấn/lồng/1 chu kỳ nuôi.

- Tăng cường hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chủ động về thị trường tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích phát triển các hợp tác xã; đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp đầu tư nuôi cá lồng thâm canh theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

3. Nội dung triển khai của dự án

3.1. Điều tra, khảo sát chọn địa điểm và lựa chọn các tổ chức, cá nhân đã và đang thực hiện tham gia dự án

- Căn cứ hiện trạng kết quả khảo sát, điều tra các vị trí nuôi theo quy hoạch, đảm bảo đúng quy định của Luật Đê điều và Luật Giao thông đường thủy; phân tích một số chỉ tiêu cơ bản môi trường nuôi như: lưu tốc dòng chảy, các yếu tố thủy lý, thủy hóa, ... tại sông Hồng, sông Luộc chảy qua địa bàn các huyện, thành phố để xác định vùng dự án, cụ thể: Huyện Văn Giang, Khoái Châu, Kim Động, Tiên Lữ, Phù Cừ và thành phố Hưng Yên.

- Lựa chọn các tổ chức, cá nhân đáp ứng các yêu cầu về tài chính, kỹ thuật, kinh nghiệm nuôi thủy sản để tham gia dự án.

- Địa điểm triển khai dự án phải đảm bảo quy chuẩn về mặt kỹ thuật; theo đúng quy định của Nhà nước và của tỉnh.

3.2. Đào tạo, tập huấn kỹ thuật

- Số lượng lớp: 5 lớp/năm (triển khai trong 03 năm từ 2019 - 2021); mỗi lớp 50 học viên.

- Mỗi năm, biên soạn trên 250 bộ tài liệu kỹ thuật cho nông dân học tập.

- Thời gian tập huấn: 01 lớp/ngày

- Đối tượng học viên tham gia lớp tập huấn: Đào tạo, nâng cao kiến thức, kinh nghiệm sản xuất cho các kỹ thuật viên là cán bộ khuyến nông nơi triển khai dự án; các tổ chức, cá nhân trực tiếp tiếp nhận dự án và các hộ dân có quan tâm đến lĩnh vực thủy sản trên địa bàn tỉnh.

3.3. Cơ chế chính sách hỗ trợ

a/ Hỗ trợ kinh phí xây dựng lồng mới; kinh phí cải tạo, nâng cấp lồng cũ.

- Đối với lồng mới: Hỗ trợ 30% tổng kinh phí xây dựng lồng nhưng tối đa không quá 15 triệu đồng/lồng.

- Đối với lồng cũ: hỗ trợ 08 triệu đồng/lồng.

- Phương thức hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân đã và đang triển khai khi có đủ điều kiện tham gia dự án thông qua thẩm định sẽ được hỗ trợ kinh phí như trên. Đơn vị trực tiếp thực hiện dự án quyết toán phần kinh phí hỗ trợ ngân sách nhà nước cho các tổ chức, cá nhân bằng nguồn vốn sự nghiệp.

b/ Hỗ trợ đào tạo, tập huấn

- Hỗ trợ 100% kinh phí cho công tác đào tạo, tập huấn.

- Hỗ trợ 100% kinh phí cho các hội nghị, hội thảo đầu bờ, hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết.

c/ Các hỗ trợ khác

- Hỗ trợ 100% kinh phí thuê thiết kế, tư vấn, điều tra, khảo sát địa điểm triển khai dự án.

- Hỗ trợ 100% kinh phí quản lý, điều hành thực hiện dự án và chi khác.

3.4. Hội thảo đầu bờ, hội nghị sơ kết, tổng kết.

- Hàng năm tổ chức 01 hội nghị thăm quan đầu bờ nhằm phổ biến kỹ thuật mới, đánh giá và lựa chọn ra các mô hình sản xuất cho hiệu quả kinh tế cao để tuyên truyền, phổ biến nhân rộng trong sản xuất.

- Tổ chức 01 hội nghị sơ kết/năm nhằm đánh giá kết quả thực hiện, những tồn tại và đề xuất các giải pháp thực hiện hiệu quả các nội dung dự án để tuyên truyền nhân rộng phong trào. Tổ chức hội nghị tổng kết khi kết thúc dự án.

4. Các giải pháp thực hiện dự án

4.1. Giải pháp về kỹ thuật

a. Thiết kế lồng nuôi cá trên sông

- Hình dạng và kích thước lồng: Lồng nuôi có dạng hình khối chữ nhật với kích thước lồng 6m x 6m x 3m (tương ứng 108 m³/lồng) hoặc 6m x 9m x 3m (tương ứng 162 m³/lồng), bao gồm: Khung lồng, lưới lồng, hệ thống phao nâng lồng, hệ thống neo lồng.

+ Khung lồng: Vật liệu phù hợp đối với khung lồng là ống thép, ống kẽm, sắt có mạ lớp chống gỉ sét, sử dụng sắt Φ 34 - 60 mm (khung đảm bảo chắc, khỏe, độ bền khoảng 5 năm trở lên).

+ Lưới lồng: gồm 02 lớp lưới bao quanh và lưới đáy lồng được làm bằng sợi cước Polyetylen (PE). Đáy lưới lồng được cố định dây giềng nối với các cọc chì. Lưới lồng có 2 lớp: lớp ngoài cùng mắt thưa (2a = 2cm), được dùng trong suốt vụ nuôi; lớp thứ 2 cỡ mắt lưới 2a = 0,8cm, sử dụng khi cá có kích cỡ < 40 gam/con; mặt trong cùng của lồng, sử dụng 1 tấm lưới mắt dày cỡ 2a ≤ 1mm, bán kính lưới

3cm để căng xung quanh phần ngập nước phía trên lồng, có tác dụng ngăn không cho cá ra ngoài.

+ Hệ thống phao nâng lồng: Sử dụng các thùng phuy nhựa 200L và được cố định với khung lồng. Số lượng phụ thuộc vào trọng lượng của lồng (thường 6 - 8 phuy/lồng) đảm bảo nước ngập từ 4/5 chiều cao của lồng (khoảng không ngập nước từ 20 - 30cm) có tác dụng nâng phần mặt trên của lồng lên khỏi mặt nước 0,3m.

+ Hệ thống neo lồng: Dùng dây sắt, dây dù vv.. cố định lồng với các neo trụ ở trên bờ.

- Công trình, thiết bị phụ trợ gồm: 01 nhà quản lý khoảng 30 - 50m², 01 nhà kho chứa đựng thức ăn, thuốc phòng, trị bệnh và các dụng cụ có diện tích 20 - 30m², 01 bồn chứa nước sinh hoạt 3 - 5 m³ được làm trên giàn lồng; 01 đường dẫn lên, xuống lồng nuôi, đường điện... được thiết kế đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật.

b. Cách đặt lồng

Số lượng lồng nuôi thủy sản phụ thuộc vào diện tích mặt nước được quy hoạch, bố trí sao cho không gây cản trở lưu thông thủy và nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Lồng nuôi phải đặt cách bờ kè từ 10 - 20m, dọc theo dòng chảy, đáy lồng cách đáy sông > 1 m để tăng khả năng tự làm sạch trong lồng nuôi.

- Lồng nuôi cá đặt thành từng cụm lồng, chiều ngang của cụm lồng không chiếm 10 - 20% chiều rộng mặt sông lúc mực nước thấp nhất tại khu vực đặt lồng.

- Đặt lồng theo cụm: mỗi cụm gồm từ 10 - 15 lồng; khoảng cách giữa các lồng trong cụm theo chiều dài từ 30 - 50cm, theo chiều ngang từ 1,0 - 1,2m; khoảng cách giữa các cụm lồng từ 10 - 15m, nên đặt so le để hạn chế lây lan bệnh dịch.

- Ngoài ra, cần thiết phải thiết kế một ô lồng hình tam giác, phía đỉnh cụm lồng, tam giác hướng về phía dòng chảy, và được đặt trước cụm lồng; dùng lưới làm bằng sắt không gỉ hoặc inox phía ngoài để không ảnh hưởng đến dòng chảy, độ cao của lồng khoảng 2m, có thể di chuyển xung quanh cụm lồng.

c. Kỹ thuật nuôi.

- Đối tượng nuôi: Các loài cá có giá trị kinh tế cao và phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh Hưng Yên như: cá Chép giòn, cá Lăng, Diêu hồng, Trắm đen, cá Chiên, cá Ngạnh, cá Trắm đen ...

- Kỹ thuật chọn và thả giống; phương pháp quản lý, chăm sóc đàn cá, thu hoạch và bảo quản sản phẩm theo đúng quy trình kỹ thuật đối với từng đối tượng nuôi.

4.2. Giải pháp về con giống

- Qua thăm quan, đánh giá sản xuất thực tế tại các địa phương, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và kinh doanh giống trong thời gian qua và căn cứ thị trường tiêu thụ để lựa chọn, tiếp thu các giống mới có ưu điểm như: giá trị kinh tế cao, sinh trưởng nhanh, tăng năng suất, có chất lượng cao, phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường...

- Hợp tác, liên kết với các cơ quan nghiên cứu chuyên ngành, các doanh nghiệp để có giống tốt chủ động sản xuất, thích ứng với điều kiện sinh thái của

Hung Yên.

- Phối hợp với Chi cục Thú y tiến hành kiểm dịch giống thủy sản trước khi nhập vào tỉnh.

- Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở sản xuất và kinh doanh giống thủy sản trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; thực hiện việc công bố chất lượng đàn cá bố mẹ cho sản xuất giống phục vụ nhu cầu nuôi thủy sản trong, ngoài tỉnh.

- Các tổ chức, cá nhân nuôi cá lồng trên sông nếu có điều kiện có thể bố trí ao, hồ phía trong đê để ương, dưỡng chủ động nguồn giống cũng như di chuyển cá khi điều kiện môi trường nước trên sông gặp điều kiện bất lợi.

4.3. Giải pháp về khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật.

- Ứng dụng, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật hiện có và kỹ thuật mới vào nuôi cá lồng trên sông. Đưa các giống mới có giá trị kinh tế cao, được thị trường ưa chuộng vào nuôi thử nghiệm.

- Tiếp nhận công nghệ sản xuất giống từ các địa phương khác, tiếp nhận đàn cá bố mẹ có chất lượng, sức sinh sản tốt để chủ động giải quyết nhu cầu con giống tại chỗ cho người nuôi.

- Ứng dụng, sử dụng những loại thức ăn không chứa các chất Hoóc môn kích thích tăng trưởng, không chứa các nấm mốc, vi sinh vật gây độc như Ecoly; độ nổi đạt từ 2 - 3 giờ, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Sử dụng các loại thuốc, hóa chất được phép lưu hành và nằm trong danh mục được phép sử dụng của Bộ Nông nghiệp và PTNT dùng trong nuôi trồng thủy sản để xử lý môi trường nuôi và phòng trừ dịch bệnh.

- Nghiên cứu, cải tiến chất liệu kết cấu lồng có tuổi thọ cao hơn nữa, chi phí thấp nhằm tăng giá trị cạnh tranh cho sản phẩm cá lồng.

- Tăng cường hoạt động quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản tập trung để có những khuyến cáo về môi trường, về dịch bệnh, từ đó đưa ra các giải pháp hữu hiệu nhằm giảm thiểu thiệt hại đối với các hộ sản xuất.

4.4. Giải pháp về đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật

- Tăng cường tập huấn, chuyển giao TBKT nuôi lồng trên sông theo hướng VietGAP và tổ chức các buổi hội thảo đầu bờ cho các tổ chức, cá nhân tham gia dự án, các hộ dân tiêu biểu về nuôi thâm canh thủy sản, có khả năng tiếp thu, lan tỏa tiến bộ kỹ thuật trong cộng đồng.

- Cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên xuống các vùng nuôi thủy sản tập trung hướng dẫn kỹ thuật cho người dân; đồng thời tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt quy trình nuôi thủy sản theo hướng VietGAP, đảm bảo vệ sinh ATTP.

4.5. Giải pháp về thông tin, thị trường

- Giải pháp về thông tin:

+ Phối hợp với Đài PTTH tỉnh, Báo Hung Yên thường xuyên tuyên truyền,

giới thiệu về các tiên bộ kỹ thuật mới; các mô hình nuôi có hiệu quả kinh tế cao để nông dân biết, thăm quan, học hỏi và áp dụng vào sản xuất.

+ Xây dựng các quy trình kỹ thuật, bài viết về các biện pháp kỹ thuật mới để thông tin, giới thiệu đến đông đảo nông dân qua các buổi tập huấn, đọc trên hệ thống phát thanh, qua Bản tin nông nghiệp và giá cả thị trường, trang Web của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hưng Yên...

+ Tổ chức các đợt thăm quan, học tập kinh nghiệm tại các tỉnh có nghề nuôi có lồng phát triển mạnh như tỉnh Hải Dương, Hòa Bình, Thái Bình,... nhằm phổ biến, trao đổi kinh nghiệm sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho người dân.

+ Tổ chức các hội nghị, hội thảo đầu bờ, chia sẻ kinh nghiệm, giới thiệu mô hình và các biện pháp kỹ thuật mới đã áp dụng để cán bộ và nông dân biết và học tập.

- Giải pháp về thị trường:

+ Hỗ trợ nông dân xây dựng thương hiệu sản phẩm thủy sản nuôi sạch, tham gia hội chợ xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm và tiếp cận với các tổ chức, cá nhân kinh doanh thủy sản để ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

+ Hỗ trợ kinh phí thông tin, hội thảo, tuyên truyền để tiêu thụ sản phẩm cho nông dân và nhân rộng phong trào.

+ Quảng cáo trên các thông tin đại chúng, đưa lên trang Web của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hưng Yên.

4.6. Giải pháp về vốn và nguồn vốn

Tổng kinh phí thực hiện: **29.427.200.000 đồng**. Trong đó:

- Kinh phí hộ nông dân và nguồn vốn hợp pháp khác: **21.290.000.000 đồng**.

- Kinh phí do ngân sách tỉnh cấp (từ nguồn sự nghiệp kinh tế): **8.137.200.000 đồng**.

5. Tổ chức thực hiện.

5.1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Thành lập Ban quản lý dự án để quản lý, điều hành.

- Giao cho Chi cục Thủy sản thực hiện dự án.

- Tổ chức triển khai thực hiện dự án theo nội dung đã được UBND tỉnh phê duyệt. Lập, triển khai kế hoạch, đánh giá kết quả thực hiện và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

- Phối hợp với Đài PTTH, Báo Hưng Yên và các cơ quan truyền thông khác thông tin, phổ biến, tuyên truyền kết quả của dự án tới cán bộ kỹ thuật và nông dân biết, áp dụng.

5.2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu, bố trí kinh phí để Chi cục Thủy sản triển khai thực hiện các nội dung dự án.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành các văn bản hướng dẫn quản lý, cấp phát và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo quy định tài chính hiện hành.

5.3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT lồng ghép các đề tài khoa học tương thích với các nội dung của dự án, góp phần đẩy nhanh việc ứng dụng những kết quả nghiên cứu vào sản xuất.

5.4. Các cơ quan: Chi cục quản lý đê điều và phòng chống lụt bão, Công ty Cổ phần quản lý đường sông số 2 Hưng Yên, Công ty Cổ phần quản lý đường sông số 6 Hà Nội.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong việc điều tra, khảo sát địa điểm triển khai dự án nhằm đảm bảo an toàn về đê điều và giao thông đường thủy nội địa.

5.5. Các sở, ngành, đoàn thể khác

- Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được phân công, các sở, ban, ngành đoàn thể có liên quan phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT để triển khai thực hiện tốt các nội dung của dự án.

5.6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn phối hợp với Ban quản lý dự án chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện tốt các nội dung của dự án tại địa phương và lựa chọn các hộ tham gia, đề xuất nhu cầu về quy mô, địa điểm tham gia dự án.

- Chỉ đạo các xã, thôn tại vùng dự án triển khai thực hiện theo nội dung được giao.

5.7. UBND các xã, phường, thị trấn

- Phối hợp với các cơ quan chức năng và cán bộ kỹ thuật cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức thực hiện và tuyên truyền tới các tổ chức, cá nhân để thực hiện và mở rộng quy mô dự án trên địa bàn.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân làm thủ tục đăng ký tham gia Dự án theo quy định.

- Tham gia giám sát việc thực hiện về tài chính, kỹ thuật của cơ sở theo đúng chế độ, chính sách và các quy định hiện hành.

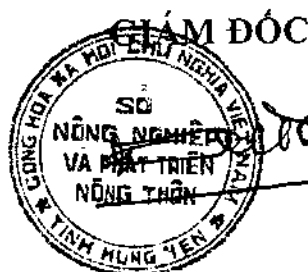
- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức công tác tập huấn kỹ thuật, hội nghị, hội thảo, tổng kết rút kinh nghiệm và báo cáo kết quả thực hiện.

(Có Dự án Chi tiết kèm theo).

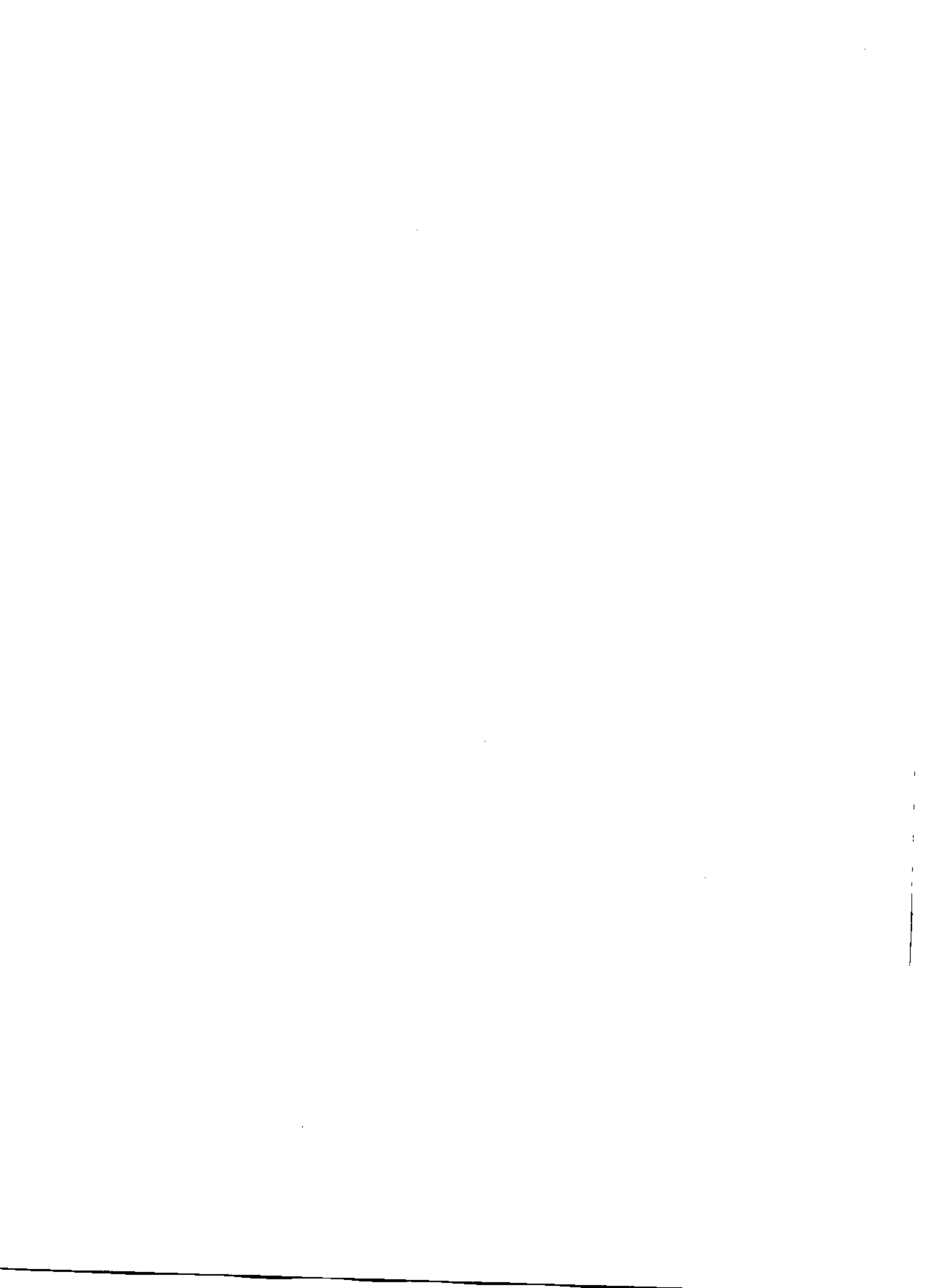
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt để Dự án được triển khai kịp mùa vụ, góp phần thúc đẩy nền nông nghiệp của tỉnh phát triển toàn diện, ổn định và bền vững./.

Nơi nhận:

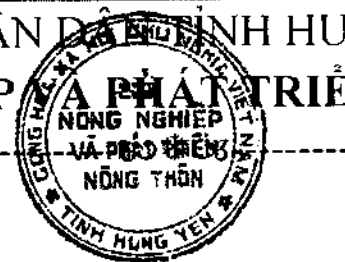
- Như kính gửi (đề trình);
- Lưu: VT.



Đỗ Minh Tuấn



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



DỰ ÁN

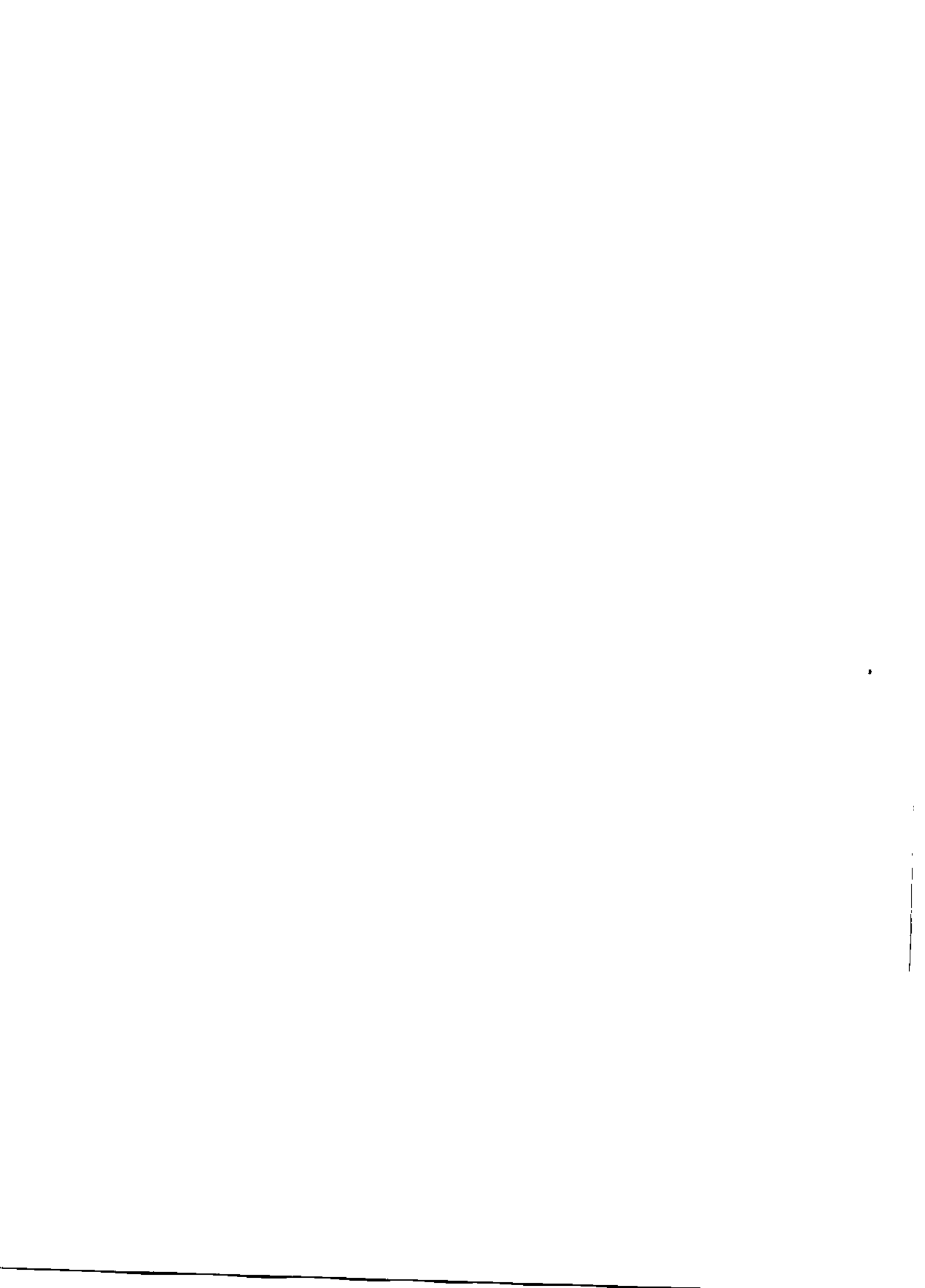
PHÁT TRIỂN NUÔI CÁ LỒNG TRÊN SÔNG TỈNH HUNG YÊN GIAI ĐOẠN 2019 – 2021.

Cơ quan chủ quản: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Cơ quan thực hiện: Chi cục Thủy sản.

Đơn vị phối hợp: UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Hung Yên, tháng 10 năm 2018



Hung Yên, ngày tháng 10 năm 2018

DỰ ÁN
Phát triển nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên
giai đoạn 2019 – 2021.

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG DỰ ÁN

1. Sự cần thiết để xây dựng dự án

Hung Yên là một tỉnh đồng bằng nằm trong khu vực trọng điểm phát triển kinh tế của miền Bắc với tổng diện tích nuôi trồng thủy sản (NTTS) là 5.633ha, có hệ thống sông Hồng và sông Luộc chảy qua địa bàn 06 huyện, thành phố với chiều dài 90km, tạo nên tiềm năng rất lớn về diện tích mặt nước để phát triển NTTS. Mực nước sông ổn định do Hưng Yên nằm ở hạ lưu sông Hồng; các yếu tố thủy lý, thủy hóa luôn dao động trong ngưỡng thích hợp cho động vật thủy sản sinh trưởng và phát triển tốt; nhiều năm gần đây không có lũ lụt xảy ra do có sự điều tiết nước của hồ thủy điện.

Trong những năm gần đây, nghề nuôi thủy sản tỉnh Hưng Yên đang phát triển theo hướng đa dạng hóa và thâm canh hóa; vì vậy, cùng với đó là những thách thức như: môi trường nước ngày càng bị ô nhiễm, dịch bệnh gia tăng dẫn đến chi phí sản xuất tăng, hiệu quả nuôi không cao vv...

Việc tiêu thụ sản phẩm cá lồng trên sông Hồng hiện nay rất thuận lợi với thị trường tiêu thụ chính là các khu công nghiệp trong tỉnh và các tỉnh lân cận như: Hải Phòng, thành phố Hà Nội, Quảng Ninh và một số tỉnh phía Nam vv...; chất lượng cá thơm ngon, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đa dạng đối tượng nuôi, được thị trường và người tiêu dùng ưa chuộng trong khi nguồn cung cấp sản phẩm thủy sản chưa đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường.

Nhận thấy lợi thế tự nhiên mà Hưng Yên có được và những thách thức phải đối mặt nên trong những năm vừa qua đã có nhiều tổ chức, cá nhân trong tỉnh chủ động đầu tư kinh phí phát triển nuôi cá lồng trên sông, đặc biệt là trên sông Hồng và đã đem lại hiệu quả kinh tế rất cao, sản phẩm thủy sản đảm bảo vệ sinh ATTP như: Hợp tác xã thủy sản sạch Hưng Hải, HTX thủy sản Trường Hải và một số tổ chức, cá nhân trong tỉnh đang nuôi vv... Tuy nhiên, do người dân còn thiếu vốn, thiếu kỹ thuật làm lồng, kỹ thuật nuôi, áp dụng đối tượng nuôi,

trình độ đầu tư thâm canh và phòng trị dịch bệnh còn hạn chế, phương thức đầu tư thâm canh lạc hậu nên năng suất thấp, hiệu quả kinh tế chưa cao.

Nhằm tăng cường sự quản lý thống nhất của Nhà nước, khai thác được tiềm năng lớn về diện tích mặt nước trên sông, phát triển NTTS theo hướng bền vững, giảm thiểu rủi ro, đa dạng hóa hình thức nuôi cá; tiếp thu, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, đối tượng giống đặc sản, giống có giá trị kinh tế cao để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động theo hướng bền vững; thu hút các thành phần kinh tế mạnh dạn đầu tư phát triển nghề nuôi cá lồng trên sông, góp phần xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh: chính vì vậy, Chi cục Thủy sản triển khai xây dựng Dự án “Phát triển nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019 - 2021”.

Để nghề nuôi cá lồng phát triển và nhân rộng được trên địa bàn các xã ven sông Hồng, sông Luộc của tỉnh, cần phải có nghiên cứu kỹ hơn về quy trình công nghệ, đối tượng, thời vụ nuôi; điều tra, khảo sát, quy hoạch địa điểm nuôi, Đặc biệt, cần phải xác định mục tiêu, năng suất, sản lượng, số lượng lồng nuôi cho từng giai đoạn, cũng như các cơ chế, chính sách hỗ trợ, trên cơ sở khảo sát, quy hoạch địa điểm, vị trí phù hợp, không ảnh hưởng đến giao thông, thủy lợi và các tác động khác đến môi trường, dân sinh. Dự án được thực hiện sẽ thúc đẩy nghề nuôi cá lồng trên sông Hồng, sông Luộc phát triển bền vững theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, thực sự là một nghề đem lại thu nhập, hiệu quả kinh tế cao và mở ra hướng đi mới cho phát triển nuôi trồng thủy sản của tỉnh, góp phần thực hiện thành công đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên.

2. Căn cứ pháp lý để xây dựng dự án:

- Luật Thủy sản số 17/2003/QH11 ban hành ngày 26/11/2003;
- Luật Điều chỉnh số 79/2006/QH11 ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2006;
- Luật Giao thông Đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ban hành ngày 15 tháng 6 năm 2004;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 48/2014/QH13 ban hành ngày 17/6/2014.
- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
- Quyết định số 2194/QĐ-TTg ngày 25 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án phát triển giống cây nông lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020”;

- Quyết định 1690/QĐ-TTg ngày 16/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Thủy sản Việt Nam đến năm 2020;
- Quyết định 332/QĐ-TTg ngày 03/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển thủy sản đến năm 2020;
- Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình sản xuất Nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;
- Quyết định số 1895/QĐ-TTg ngày 17/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;
- Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 19/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và nâng cao năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020;
- Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;
- Quyết định 1434/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2016 – 2020;
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-80:2011/BNNPTNT về cơ sở Nuôi trồng Thủy sản thương phẩm-điều kiện vệ sinh thú y;
- Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng (liên quan đến nguồn nước mặt);
- Nghị quyết số 06/NQ-TU ngày 27/6/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XVIII về Chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng CNH, HĐH, giá trị gia tăng cao, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định 1854/QĐ-UBND, ngày 12/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc Phê duyệt Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”;
- Chương trình hành động số 337/CTr-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh nhiệm kỳ 2016-2021.
- Một số văn bản pháp luật liên quan đến thủy sản; đề điều; giao thông đường thủy nội địa.

II. THỰC TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN NUÔI CÁ LỒNG TRÊN SÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HUNG YÊN

1. Thực trạng nuôi cá lồng trên sông tại tỉnh Hưng Yên.

Nghề nuôi cá lồng trên sông Hồng tại tỉnh Hưng Yên đã có từ rất lâu (từ những năm 1995 thế kỷ 20), tập trung chủ yếu ở huyện Khoái Châu và huyện Văn Giang, lồng nuôi chủ yếu làm bằng tre, luồng, gỗ và lưới, kích thước lồng nhỏ. Sau một thời gian nuôi không hiệu quả do nhiều nguyên nhân như: thiếu vốn, thiếu kỹ thuật, đối tượng nuôi không có giá trị kinh tế cao... nên số lồng đã sụt giảm nghiêm trọng từ 120 lồng (năm 1995) xuống còn khoảng 46 lồng (năm 2014) với năng suất trung bình đạt 1,5 tấn/lồng, sản lượng đạt 70 tấn/năm.

Trong những năm gần đây, Chi cục Thủy sản đã tổ chức các đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm cho một số hộ nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh tham quan các mô hình nuôi cá lồng tại tỉnh Hải Dương, khuyến khích và hướng dẫn kỹ thuật để người dân phát triển sản xuất đặc biệt là phát triển nghề nuôi cá lồng trên sông. Vì vậy, đến nay đã có rất nhiều các tổ chức, cá nhân mạnh dạn đầu tư vốn làm lồng, đưa một số đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao như: cá Chép giòn, cá Lăng, cá Diêu hồng, cá Chiên, cá Trắm cỏ... vào nuôi lồng nên hiệu quả nuôi được nâng cao, số lượng lồng nuôi tăng nhanh từ 46 lồng năm 2014, tăng lên hơn 320 lồng năm 2018; điển hình là Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản Trường Hải (với 48 lồng) và HTX thủy sản sạch Hưng Hải (với 55 lồng). Nuôi lồng tập trung ở các huyện: Khoái Châu, Văn Giang, Kim Động và thành phố Hưng Yên. Lồng nuôi có dạng hình khối chữ nhật được làm bằng sắt, kềm với kích thước lồng 6m x 6m x 3m (tương ứng 108 m³/lồng) hoặc 6m x 9m x 3m (tương ứng 162 m³/lồng); có hệ thống phao nâng lồng bằng các thùng phuy nhựa và lưới bao quanh làm bằng sợi cước Polyetylen (PE). Nhờ có sự đầu tư về vốn, kỹ thuật, và chuyển sang nuôi đối tượng có giá trị kinh tế cao nên nghề nuôi cá lồng trên sông tại Hưng Yên ngày càng phát triển, không có dịch bệnh phát sinh, năng suất nuôi trung bình ước đạt 4 – 5 tấn/lồng/chu kỳ nuôi, sản phẩm thủy sản đảm bảo vệ sinh ATTP, đem lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần phát triển nghề nuôi thủy sản tỉnh Hưng Yên theo hướng bền vững.

2. Tiềm năng phát triển nuôi cá lồng trên sông tại tỉnh Hưng Yên

Hưng Yên có hệ thống sông Hồng và sông Luộc chảy qua địa bàn 06 huyện, thành phố với chiều dài khoảng 90km, tạo nên tiềm năng rất lớn về diện tích mặt nước để phát triển NTTS.

Sông Hồng đoạn chảy qua địa phận tỉnh Hưng Yên có chiều dài 67km, qua các huyện Văn Giang, Khoái Châu, Kim Động, thành phố Hưng Yên. Dòng

sông uốn lượn tạo nhiều khúc quanh rất thuận lợi cho nuôi cá lồng trên sông. Mặt nước sông ổn định do Hưng Yên nằm ở hạ lưu sông Hồng; các yếu tố thủy lý, thủy hóa luôn dao động trong ngưỡng thích hợp cho động vật thủy sản sinh trưởng và phát triển tốt; mặt cắt lòng sông rộng nên nuôi lồng bè không làm ảnh hưởng đến giao thông thủy và chế độ thủy văn dòng sông.

Sông Luộc là một trong những chi lưu của sông Hồng, chạy dọc phía nam của 02 huyện Tiên Lữ và Phù Cừ thuộc địa bàn tỉnh Hưng Yên với chiều dài 26km. Mặt cắt lòng sông trung bình $B = 200\text{m}$, lượng nước luôn duy trì ở mức tàu thuyền hoặc xà lan có trọng tải dưới 300 tấn có thể lưu thông được quanh năm, dòng sông uốn lượn tạo nhiều khúc quanh thuận lợi cho nuôi cá lồng.

Những năm gần đây, do có nhiều đập thủy điện được xây dựng phía thượng lưu nên chế độ thủy văn sông Hồng khá ổn định, lưu tốc dòng chảy giảm mạnh, kể cả vào mùa mưa lũ, nên khá dễ dàng cho việc neo giữ, bảo vệ lồng bè. Bên cạnh đó, nhờ đặc tính nguồn nước luôn lưu thông, hàm lượng các chất dinh dưỡng, ô xy hòa tan cao, môi trường ít bị ô nhiễm, các yếu tố thủy hóa... của nguồn nước sông Hồng rất thích hợp cho sinh trưởng, phát triển của thủy sản. Vì vậy, nuôi cá lồng trên sông Hồng cho phép nuôi được mật độ cao, cá sinh trưởng và phát triển nhanh, tận dụng được nguồn thức ăn tự nhiên vốn rất phong phú tại các sông có dòng chảy yếu, nên chi phí thức ăn giảm, từ đó đem lại hiệu quả kinh tế cao gấp nhiều lần so với nuôi cá nước tĩnh trong ao; chất lượng thịt thơm ngon, săn chắc, được người tiêu dùng ưa thích. Sau 5 - 6 tháng nuôi có thể cho thu hoạch 4 - 5 tấn cá thương phẩm/lồng, tương đương với gần 1 ha ao nuôi thâm canh. Mặt khác, đối tượng nuôi lồng chủ yếu là các loài cá đặc sản có giá trị kinh tế cao như: Cá Lăng, Chép giòn, cá Ngạnh, Diêu hồng,... vốn khó nuôi thâm canh ở các thủy vực nước tĩnh, giá bán thường cao gấp 2 - 4 lần các đối tượng nuôi truyền thống khác, nên hiệu quả kinh tế của nuôi cá lồng là rất cao.

Nhìn chung các yếu tố thủy lý và thủy hóa tại sông Hồng, sông Luộc, phù hợp với nuôi cá lồng trên sông. tốc độ dòng chảy trung bình là 0,5m/s, những vị trí này là những đoạn sông được "bồi" do phù sa vì vậy không ảnh hưởng đến luồng giao thông đường thủy.

Chính vì vậy, những năm gần đây, người nông dân đã biết tận dụng mặt nước trên sông để phát triển nghề nuôi cá lồng, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng.

Theo Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 21/4/2011 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt "Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Hưng Yên đến

năm 2015, định hướng đến năm 2020”, các địa điểm có thể nuôi lồng bè trên sông Hồng, sông Luộc cụ thể như sau:

- Huyện Văn Giang: Khúc quanh xã Liên Nghĩa, Thăng Lợi.
- Huyện Khoái Châu: Khúc quanh tại các xã Bình Minh, Dạ Trạch, Đại Tập, Chí Tân, Thuận Hưng, Thành Công, Nhuế Dương.
- Huyện Kim Động các xã Mai Động, Đức Hợp, Hùng An, Phú Cường, Hùng Cường.
- Thành phố Hưng Yên: Khu vực phường Lam Sơn, Minh Khai, xã Hoàng Hanh, xã Tân Hưng vv...
- Huyện Tiên Lữ, Phù Cừ: các xã nằm dọc sông Luộc có khả năng tham gia nuôi các lồng.

Tại những vị trí này đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật nuôi cá lồng bè và tạo điều kiện cho cá nuôi sinh trưởng, phát triển tốt, năng suất nuôi và hiệu quả kinh tế cao.

III. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN NUÔI CÁ LỒNG TRÊN SÔNG GIAI ĐOẠN 2019 – 2021.

1. Mục tiêu của dự án.

1.1. Mục tiêu chung:

- Phát triển nuôi cá lồng trên sông là một trong những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhằm khai thác tiềm năng diện tích mặt nước trên sông để phát triển bền vững ngành thủy sản, phấn đấu trở thành ngành sản xuất hàng hóa lớn; có cơ cấu và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, gắn với bảo vệ sức khỏe cộng đồng, môi trường sinh thái, giảm áp lực khai thác nguồn cá tự nhiên; tạo ra sản phẩm hàng hóa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm phục vụ thị trường trong và ngoài tỉnh, hướng đến xuất khẩu; tạo việc làm, từng bước nâng cao thu nhập và mức sống của người dân.

.- Phát triển nuôi cá lồng phải theo quy hoạch phát triển thủy sản của tỉnh đã được phê duyệt, phát triển theo hướng bền vững, đảm bảo an toàn đê điều, an toàn giao thông thủy nội địa, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự tại địa phương có vùng nuôi, chấp hành nghiêm chỉnh theo các quy định của pháp luật.

1.2. Mục tiêu cụ thể.

- Giai đoạn 2019 - 2021, toàn tỉnh Hưng Yên phát triển thêm 300 lồng nuôi cá thâm canh trên sông Hồng, sông Luộc; đối tượng nuôi chính là: cá Lăng, Chép giòn, Diêu Hồng, Rô phi đơn tính, cá Ngạnh ... với năng suất trung bình ước đạt 4 – 6 tấn/lồng/1 chu kỳ nuôi.

- Phát triển nghề nuôi cá lồng trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo: Vị trí nuôi an toàn về mưa lũ; đảm bảo quy chuẩn về mặt kỹ thuật; nâng cao chất lượng công tác quản lý, chỉ đạo tổ chức sản xuất; tăng cường ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về đầu tư thâm canh các đối tượng thủy sản đặc sản, thủy sản giống mới, giống có giá trị kinh tế cao, áp dụng quy trình sản xuất có chứng nhận chất lượng sản phẩm.

- Tăng cường hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chủ động về thị trường tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích phát triển các hợp tác xã; đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp đầu tư nuôi cá lồng thâm canh theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

- Tập huấn cho nông dân quy trình nuôi cá lồng trên sông theo hướng VietGap để đẩy mạnh phong trào nuôi thủy sản thân thiện môi trường, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm thủy sản.

2. Nội dung, kế hoạch triển khai dự án

2.1. Điều tra, khảo sát chọn địa điểm và lựa chọn các tổ chức, cá nhân đã và đang thực hiện tham gia dự án

- Căn cứ hiện trạng kết quả khảo sát, điều tra các vị trí nuôi theo quy hoạch, đảm bảo đúng quy định của Luật Đê điều và Luật Giao thông đường thủy; phân tích một số chỉ tiêu cơ bản môi trường nuôi như: lưu tốc dòng chảy, các yếu tố thủy lý, thủy hóa, ... tại sông Hồng, sông Luộc chảy qua địa bàn các huyện, thành phố để xác định vùng dự án, cụ thể:

+ Huyện Văn Giang: Khúc quanh xã Liên Nghĩa; Thăng Lợi.

+ Huyện Khoái Châu: Khúc quanh tại các xã Bình Minh, Dạ Trạch, Đại Tập, Chí Tân, Thuần Hưng, Thành Công, Nhuê Dương.

+ Huyện Kim Động các xã Mai Động, Đức Hợp, Hùng An, Phú Cường, Hùng Cường.

+ Thành phố Hưng Yên: Khu vực phường Lam Sơn, Minh Khai, xã Hoàng Hanh, xã Tân Hưng vv..

+ Huyện Tiên Lữ, Phù Cừ: Các xã nằm dọc sông Luộc có khả năng tham gia nuôi các lồng.

- Lựa chọn các tổ chức, cá nhân đáp ứng các yêu cầu về tài chính, kỹ thuật, kinh nghiệm nuôi thủy sản để tham gia dự án.

- Địa điểm đặt lồng:

+ Phải nằm trong vùng quy hoạch nuôi cá lồng của tỉnh.

+ Đặt nơi thông thoáng, có chiều rộng mặt sông lúc mức nước thấp nhất >200m; có dòng chảy nhẹ, lưu tốc dòng chảy từ 0,3 - 0,5 m/s; độ sâu mực nước sông > 4 m lúc mức nước thấp nhất, mực nước ngập lồng thường xuyên > 3.5m.

+ Môi trường nước đảm bảo sạch sẽ, thích hợp cho cá sinh trưởng phát triển tốt như: Nhiệt độ từ 20 - 30°C; pH = 6,5 - 8; Hàm lượng ôxy hoà tan >4,5mg/lít; NH₃ < 0,01mg/lít; H₂S < 0,01mg/lít; ...

+ Lồng nuôi cá đặt cách chân đê khoảng 20m về phía sông để tránh hành lang bảo vệ đê (Luật Đê điều).

+ Tránh nơi tập trung đông dân cư, các bến đò, bãi tập kết nguyên vật liệu, nơi đã được quy hoạch khai thác cát, khu vực đóng và sửa chữa tàu thuyền, khu vực neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, khu vực quy hoạch xây dựng nhà máy cấp nước, khu vực công phục vụ công trình thủy lợi.

2.2. Đào tạo, tập huấn kỹ thuật

- Số lượng lớp: 5 lớp/năm (triển khai trong 03 năm từ 2019 - 2021); mỗi lớp 50 học viên.

- Mỗi năm, biên soạn trên 250 bộ tài liệu kỹ thuật cho nông dân học tập.

- Thời gian tập huấn: 01 lớp/ngày

- Đối tượng học viên tham gia lớp tập huấn: Đào tạo, nâng cao kiến thức, kinh nghiệm sản xuất cho các kỹ thuật viên là cán bộ khuyến nông nơi triển khai dự án; các tổ chức, cá nhân trực tiếp tiếp nhận dự án và các hộ dân có quan tâm đến lĩnh vực thủy sản trên địa bàn tỉnh.

2.3. Quy mô, địa điểm và thời gian triển khai dự án

- Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân phát triển nghề nuôi cá lồng trên sông theo hướng VietGAP theo đúng quy hoạch và các quy định của Nhà nước và của tỉnh nhằm đẩy mạnh phong trào nuôi thủy sản tỉnh Hưng Yên thân thiện môi trường, phát triển theo hướng bền vững; nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm thủy sản; góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Số lượng lồng nuôi: 300 lồng, dự kiến phân bổ theo các năm như Phụ lục I kèm theo.

+ Kích thước lồng: 6m x 6m x 3m (tương ứng 108 m³/lồng) hoặc 6m x 9m x 3m (tương ứng 162 m³/lồng).

+ Vật liệu: Vật liệu phù hợp đối với khung lồng là ống thép, ống kẽm, sắt có mạ lớp chống gỉ sắt, sử dụng sắt Φ 34- 60 mm; hệ thống phao nâng lồng bằng các thùng phuy nhựa 200L và lưới bao quanh làm bằng sợi cước Polyetylen (PE).

- Địa điểm dự kiến triển khai dự án: Đoạn sông Hồng chảy qua địa bàn các huyện Văn Giang, Khoái Châu, Kim Động và thành phố Hưng Yên; đoạn sông Luộc chảy qua địa bàn các huyện Tiên Lữ, Phù Cừ

- Thời gian triển khai dự án: Trong 03 năm (từ năm 2019 – 2021).

2.4. Hội thảo đầu bờ, hội nghị sơ kết, tổng kết.

- Hàng năm tổ chức 01 hội nghị thăm quan đầu bờ nhằm phổ biến kỹ thuật mới, đánh giá và lựa chọn ra các mô hình sản xuất cho hiệu quả kinh tế cao để tuyên truyền, phổ biến nhân rộng trong sản xuất.

- Tổ chức 01 hội nghị sơ kết/năm nhằm đánh giá kết quả thực hiện, những tồn tại và đề xuất các giải pháp thực hiện hiệu quả các nội dung dự án để tuyên truyền nhân rộng phong trào. Tổ chức hội nghị tổng kết khi kết thúc dự án.

IV. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NUÔI CÁ LỒNG TRÊN SÔNG

1. Giải pháp về quy hoạch phát triển nuôi cá lồng trên sông.

- Tiến hành rà soát “Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Hưng Yên đến năm 2015, định hướng đến năm 2020”; bổ sung, xây dựng và trình UBND tỉnh phê duyệt “Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Hưng Yên đến 2025, định hướng đến năm 2030” nhằm khai thác tốt tiềm năng lợi thế phát triển nghề nuôi cá lồng theo hướng hiệu quả, bền vững, phù hợp với từng giai đoạn, thích ứng với biến đổi khí hậu, tránh phát triển tự phát, không ảnh hưởng đến đê điều, luồng giao thông thủy và môi trường và không chồng chéo với các quy hoạch của các lĩnh vực khác.

- Tiến hành quy hoạch chi tiết và phù hợp với từng khu vực nuôi; đáp ứng theo tiêu chuẩn ngành, thiết kế số lượng lồng theo vị trí cụ thể và khoảng cách giữa các lồng nuôi cho phù hợp.

2. Khảo sát, chọn địa điểm thực hiện

- Phối hợp với Chi cục Đê điều, Chi cục Thủy lợi, đường thủy nội địa và một số phòng, ban, đơn vị có liên quan thuộc tỉnh Hưng Yên để điều tra, khảo sát địa điểm triển khai dự án đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật và các quy định của Luật Đê điều và Luật Giao thông đường thủy.

3. Giải pháp về kỹ thuật

3.1. Thiết kế lồng nuôi cá trên sông

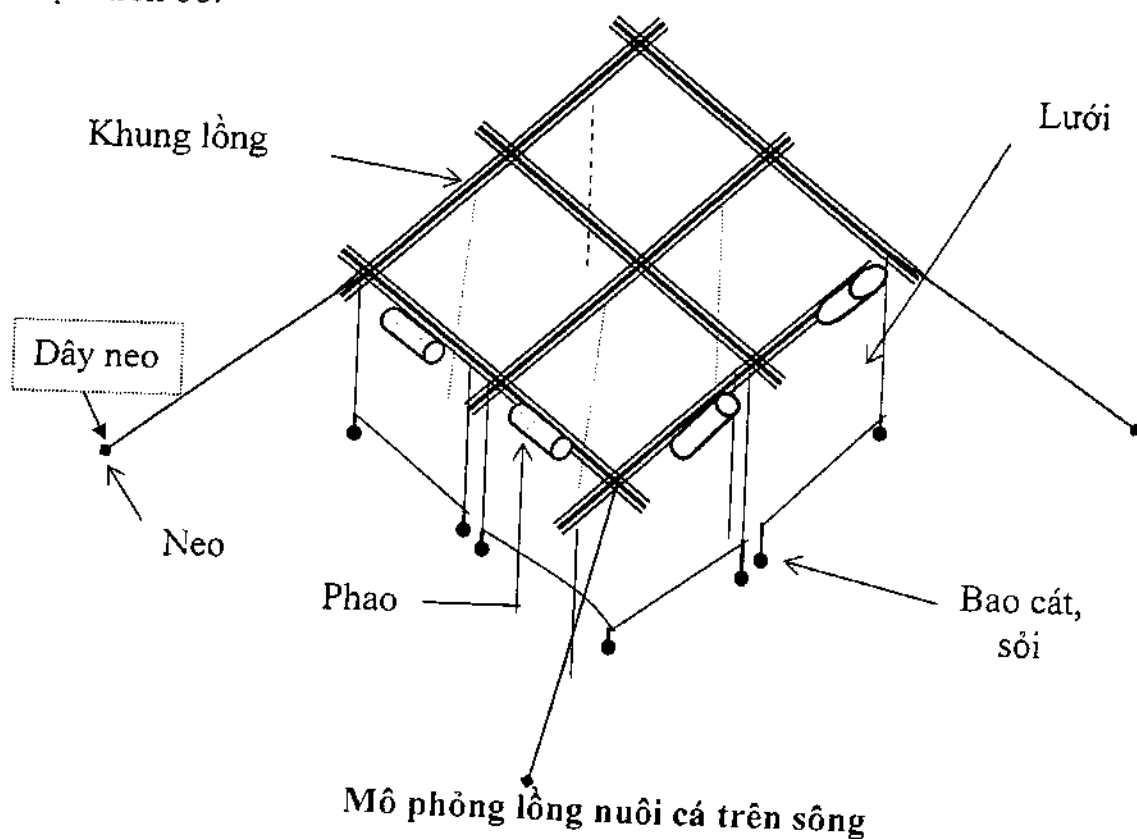
Hình dạng và kích thước lồng: Lồng nuôi có dạng hình khối chữ nhật với kích thước lồng 6m x 6m x 3m (tương ứng 108 m³/lồng) hoặc 6m x 9m x 3m (tương ứng 162 m³/lồng), bao gồm: Khung lồng, lưới lồng, hệ thống phao nâng lồng, hệ thống neo lồng.

- Khung lồng: Vật liệu phù hợp đối với khung lồng là ống thép, ống kẽm, sắt có mạ lớp chống gỉ sét, sử dụng sắt Φ 34 - 60 mm (khung đảm bảo chắc, khỏe, độ bền khoảng 5 năm trở lên).

- Lưới lồng: gồm 02 lớp lưới bao quanh và lưới đáy lồng được làm bằng sợi cước Polyetylen (PE). Đáy lưới lồng được cố định dây giềng nối với các cọc chì. Lưới lồng có 2 lớp: lớp ngoài cùng mắt thưa ($2a = 2\text{cm}$), được dùng trong suốt vụ nuôi; lớp thứ 2 cỡ mắt lưới $2a = 0,8\text{cm}$, sử dụng khi cá có kích cỡ < 40 gam/con; mặt trong cùng của lồng, sử dụng 1 tấm lưới mắt dày cỡ $2a \leq 1\text{mm}$, bán kính lưới 3cm để căng xung quanh phần ngập nước phía trên lồng, có tác dụng ngăn không cho cá ra ngoài.

- Hệ thống phao nâng lồng: Sử dụng các thùng phuy nhựa 200L và được cố định với khung lồng. Số lượng phụ thuộc vào trọng lượng của lồng (thường 6 - 8 phuy/lồng) đảm bảo nước ngập từ 4/5 chiều cao của lồng (khoảng không ngập nước từ 20 - 30cm) có tác dụng nâng phần mặt trên của lồng lên khỏi mặt nước 0,3m

- Hệ thống neo lồng: Dùng dây sắt, dây dù vv.. cố định lồng với các neo trụ ở trên bờ.



3.2. Cách đặt lồng

Số lượng lồng nuôi thủy sản phụ thuộc vào diện tích mặt nước được quy hoạch, bố trí sao cho không gây cản trở lưu thông thủy và nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Lồng nuôi phải đặt cách bờ kè từ 10 - 20m, dọc theo dòng nước chảy, đáy lồng cách đáy sông > 1 m để tăng khả năng tự làm sạch trong lồng nuôi.

- Lồng nuôi cá đặt thành từng cụm lồng, nhưng chiều ngang của cụm lồng không được chiếm quá 20% chiều rộng mặt sông lúc mực nước thấp nhất tại khu vực đặt lồng.

- Đặt lồng theo cụm: mỗi cụm gồm từ 10 - 15 lồng; khoảng cách giữa các lồng trong cụm theo chiều dài từ 30 - 50cm, theo chiều ngang từ 1,0 - 1,2m; khoảng cách giữa các cụm lồng từ 10 - 15m, nên đặt so le để hạn chế lây lan bệnh dịch.

- Ngoài ra, cần thiết phải thiết kế một ô lồng hình tam giác, phía đỉnh cụm lồng, tam giác hướng về phía dòng chảy, và được đặt trước cụm lồng; dùng lưới làm bằng sắt không gỉ hoặc inox phía ngoài để không ảnh hưởng đến dòng chảy, độ cao của lồng khoảng 2m, có thể di chuyển xung quanh cụm lồng.

3.3. Công trình, thiết bị phụ trợ :

- 01 nhà quản lý khoảng 30 - 50m²: được hàn cố định trên khung lồng nuôi cá, khung nhà bằng ống kẽm, tường bung xung quanh và mái lợp bằng tôn sóng.

- 01 nhà kho chứa đựng thức ăn, thuốc phòng, trị bệnh và các dụng cụ có diện tích 20 - 30m²; làm trên giàn lồng, xuôi theo chiều dòng chảy; vật liệu khung làm bằng cột sắt tròn, tường bung và mái lợp bằng tôn sóng để có thể tháo dỡ, di chuyển thuận lợi khi có lũ lớn.

- 01 bồn chứa nước sinh hoạt 3 - 5 m³: sử dụng bồn nước inox hoặc bằng nhựa.

- 01 đường dẫn lên, xuống lồng nuôi, mặt đường dốc xuống phía lồng, rộng trung bình 1 - 1,5m, vật liệu làm bằng khung sắt, thép; bảo đảm không cao hơn mức nước báo động 2.

- Đường điện trên giàn lồng.

3.4. Kỹ thuật nuôi.

a/ Chọn và thả giống:

- Đối tượng nuôi: Các loài cá có giá trị kinh tế cao và phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh Hưng Yên như: cá Chép giòn, cá Lăng, Diêu hồng, Trắm

đen, cá Chiên, cá Ngạnh, cá Trắm đen ... Hướng dẫn nông dân mua cá giống tại các cơ sở sản xuất và kinh doanh đảm bảo chất lượng.

- Mật độ thả thích hợp là 40 - 60 con/m³, kích cỡ tùy theo từng đối tượng nuôi.

- Kỹ thuật chọn và thả giống theo đúng quy trình kỹ thuật đối với từng đối tượng nuôi.

b/ Chăm sóc, quản lý:

- Thức ăn: Hướng dẫn nông dân dùng thức ăn công nghiệp hoặc thức ăn tự chế đảm bảo chất lượng và yêu cầu quy trình nuôi vệ sinh thực phẩm.

- Quản lý, chăm sóc đàn cá theo đúng quy trình kỹ thuật đối với từng đối tượng nuôi và thực hiện ghi chép nhật ký sản xuất hàng ngày.

- Đặc biệt vào mùa mưa lũ, cần thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, kiểm tra lồng nuôi để có biện pháp xử lý kịp thời; Sơ tán người lao động và di chuyển lồng vào vị trí an toàn khi có bão, lũ.

c/ Thu hoạch và bảo quản sản phẩm

- Sau thời gian nuôi từ 4 - 10 tháng (tùy theo từng đối tượng và trọng lượng cá giống) căn cứ theo nhu cầu thị trường và cỡ cá thương phẩm để tiến hành thu hoạch, trước khi thu cho cá ngừng ăn từ 1 - 2 ngày.

- Sản phẩm thu hoạch được bảo quản sống trong thùng xốp hoặc thùng phi nhựa có sục khí và vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

4. Giải pháp về con giống

- Qua thăm quan, đánh giá sản xuất thực tế tại các địa phương, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và kinh doanh giống trong thời gian qua và căn cứ thị trường tiêu thụ để lựa chọn, tiếp thu các giống mới có ưu điểm như: giá trị kinh tế cao, sinh trưởng nhanh, tăng năng suất, có chất lượng cao, phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường...

- Hợp tác, liên kết với các cơ quan nghiên cứu chuyên ngành, các doanh nghiệp để có giống tốt chủ động sản xuất, thích ứng với điều kiện sinh thái của Hưng Yên.

- Phối hợp với Chi cục Thú y tiến hành kiểm dịch giống thủy sản trước khi nhập vào tỉnh.

- Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở sản xuất và kinh doanh giống thủy sản trên địa bàn tỉnh thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; thực hiện việc công bố chất lượng đàn cá bố mẹ cho sản xuất giống phục vụ nhu cầu nuôi thủy sản trong, ngoài tỉnh.

- Các tổ chức, cá nhân nuôi cá lồng trên sông nếu có điều kiện có thể bố trí ao, hồ phía trong đê để ương, dưỡng chủ động nguồn giống cũng như di chuyển cá khi điều kiện môi trường nước trên sông gặp điều kiện bất lợi.

5. Giải pháp về khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật.

- Ứng dụng, chuyển giao công nghệ, kỹ thuật hiện có và kỹ thuật mới vào nuôi cá lồng trên sông. Đưa các giống mới có giá trị kinh tế cao, được thị trường ưa chuộng vào nuôi thử nghiệm.

- Tiếp nhận công nghệ sản xuất giống từ các địa phương khác, tiếp nhận đàn cá bố mẹ có chất lượng, sức sinh sản tốt để chủ động giải quyết nhu cầu con giống tại chỗ cho người nuôi.

- Ứng dụng, sử dụng những loại thức ăn không chứa các chất Hoóc môn kích thích tăng trưởng, không chứa các nấm mốc, vi sinh vật gây độc như Ecoly; độ nổi đạt từ 2 - 3 giờ, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Sử dụng các loại thuốc, hóa chất được phép lưu hành và nằm trong danh mục được phép sử dụng của Bộ Nông nghiệp và PTNT dùng trong nuôi trồng thủy sản để xử lý môi trường nuôi và phòng trừ dịch bệnh.

- Nghiên cứu, cải tiến chất liệu kết cấu lồng có tuổi thọ cao hơn nữa, chi phí thấp nhằm tăng giá trị cạnh tranh cho sản phẩm cá lồng.

- Tăng cường hoạt động quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản tập trung để có những khuyến cáo về môi trường, về dịch bệnh, từ đó đưa ra các giải pháp hữu hiệu nhằm giảm thiểu thiệt hại đối với các hộ sản xuất.

6. Giải pháp về đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật

- Tăng cường tập huấn, chuyển giao TBKT nuôi lồng trên sông theo hướng VietGAP và tổ chức các buổi hội thảo đầu bờ cho các tổ chức, cá nhân tham gia dự án, các hộ dân tiêu biểu về nuôi thâm canh thủy sản, có khả năng tiếp thu, lan tỏa tiến bộ kỹ thuật trong cộng đồng.

- Cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên xuống các vùng nuôi thủy sản tập trung hướng dẫn kỹ thuật cho người dân; đồng thời tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt quy trình nuôi thủy sản theo hướng VietGAP, đảm bảo vệ sinh ATTP.

7. Giải pháp về thông tin, thị trường

- Giải pháp về thông tin:

+ Phối hợp với Đài PTTH tỉnh, Báo Hưng Yên thường xuyên tuyên truyền, giới thiệu về các tiến bộ kỹ thuật mới; các mô hình nuôi có hiệu quả kinh tế cao để nông dân biết, thăm quan, học hỏi và áp dụng vào sản xuất.

+ Xây dựng các quy trình kỹ thuật, bài viết về các biện pháp kỹ thuật mới để thông tin, giới thiệu đến đông đảo nông dân qua các buổi tập huấn, đọc trên hệ thống phát thanh, qua Bản tin nông nghiệp và giá cả thị trường, trang Web của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hưng Yên...

+ Tổ chức các đợt thăm quan, học tập kinh nghiệm tại các tỉnh có nghề nuôi có lồng phát triển mạnh như tỉnh Hải Dương, Hòa Bình, Thái Bình,... nhằm phổ biến, trao đổi kinh nghiệm sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho người dân.

+ Tổ chức các hội nghị, hội thảo đầu bờ, chia sẻ kinh nghiệm, giới thiệu mô hình và các biện pháp kỹ thuật mới đã áp dụng để cán bộ và nông dân biết và học tập.

- Giải pháp về thị trường:

+ Hỗ trợ nông dân xây dựng thương hiệu sản phẩm thủy sản nuôi sạch, tham gia hội chợ xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm và tiếp cận với các tổ chức, cá nhân kinh doanh thủy sản để ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

+ Hỗ trợ kinh phí thông tin, hội thảo, tuyên truyền để tiêu thụ sản phẩm cho nông dân và nhân rộng phong trào.

+ Quảng cáo trên các thông tin đại chúng, đưa lên trang Web của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hưng Yên.

8. Giải pháp về cơ chế chính sách hỗ trợ

a/ Hỗ trợ kinh phí xây dựng lồng mới; kinh phí cải tạo, nâng cấp lồng cũ.

- Đối với lồng mới: Hỗ trợ 30% tổng kinh phí xây dựng lồng nhưng tối đa không quá 15 triệu đồng/lồng.

- Đối với lồng cũ: hỗ trợ 08 triệu đồng/lồng.

- Phương thức hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân đã và đang triển khai khi có đủ điều kiện tham gia dự án thông qua thẩm định sẽ được hỗ trợ kinh phí như trên. Đơn vị trực tiếp thực hiện dự án quyết toán phần kinh phí hỗ trợ ngân sách nhà nước cho các tổ chức, cá nhân bằng nguồn vốn sự nghiệp.

(Chi tiết như Phụ lục 3, 4 kèm theo)

b/ Hỗ trợ đào tạo, tập huấn

- Hỗ trợ 100% kinh phí cho công tác đào tạo, tập huấn.

- Hỗ trợ 100% kinh phí cho các hội nghị, hội thảo đầu bờ, hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết.

(Chi tiết như Phụ lục 5 kèm theo)

c/ Các hỗ trợ khác

- Hỗ trợ 100% kinh phí thuê thiết kế, tư vấn, điều tra, khảo sát địa điểm triển khai dự án (Chi tiết như Phụ lục 3 kèm theo).

- Hỗ trợ 100% kinh phí quản lý, điều hành thực hiện dự án và chi khác (Chi tiết như Phụ lục 6 kèm theo)

9. Giải pháp về vốn và nguồn vốn

a/ Tổng kinh phí thực hiện: **29.427.200.000 đồng** (Chi tiết như Phụ lục 2 kèm theo). Trong đó:

- Kinh phí hộ nông dân và nguồn vốn hợp pháp khác: **21.290.000.000 đồng**.

- Kinh phí do ngân sách tỉnh cấp (từ nguồn sự nghiệp kinh tế): **8.137.200.000 đồng**. Gồm:

+ Kinh phí thuê tư vấn, điều tra, khảo sát địa điểm triển khai dự án (12 điểm): 500.000.000 đồng.

+ Kinh phí thuê tư vấn, thẩm tra thiết kế xây dựng lồng: 300.000.000 đồng.

+ Kinh phí xây dựng lồng; kinh phí cải tạo, nâng cấp lồng cũ: 6.610.000.000 đồng.

+ Đào tạo, tập huấn, hội thảo đầu bờ, sơ kết, tổng kết: 347.200.000 đồng.

+ Hoạt động điều hành, quản lý, chỉ đạo dự án và chi khác: 380.000.000 đồng.

b/ Phân kỳ vốn đầu tư (như Phụ lục 1 kèm theo): Dự án được thực hiện trong giai đoạn 2019 – 2021, Sở Tài chính có trách nhiệm cân đối nguồn kinh phí và báo cáo UBND tỉnh để phê duyệt hỗ trợ dự án cụ thể cho từng năm.

V. HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN

1. Hiệu quả về kinh tế

- Dự án phát triển nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên mở ra hướng đi mới cho nghề nuôi trồng thủy sản; khai thác được tiềm năng lớn về diện tích mặt nước trên sông, phát triển NTTS theo hướng bền vững. Đối tượng nuôi lồng khá đa dạng với nhiều loài có giá trị kinh tế cao như: cá Lăng, cá Diêu hồng, cá Ngạnh, cá Trắm, cá Chép giòn... Nhờ có dòng nước lưu thông liên tục nên đảm bảo được hàm lượng oxy hòa tan để có thể nuôi với mật độ cao, cá lớn nhanh, ít dịch bệnh, tỷ lệ sống cao; giảm được khâu xử lý môi trường và có thể nuôi liên

tục mà không mất thời gian nghỉ sau mỗi vụ nuôi như trong ao đất, từ đó giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; giúp xóa đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu chính đáng cho người dân.

- Nuôi cá lồng trên sông cho năng suất bình quân đạt 4 – 6 tấn/lồng/1 chu kỳ nuôi, tương đương với 0,5ha ao nuôi thâm canh; đem lại lợi nhuận từ 30 – 50 triệu đồng/lồng/chu kỳ nuôi, khả năng thu hồi vốn khoảng 2 - 3 năm.

2. Hiệu quả về mặt xã hội

- Từng bước giúp nông dân thay đổi nhận thức, mạnh dạn đầu tư, phát triển nuôi cá lồng trên sông, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống và giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tạo khu tham quan, du lịch vùng ven sông của tỉnh.

- Nuôi cá lồng trên sông tạo ra được những sản phẩm đạt tiêu chuẩn về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng.

3. Hiệu quả về mặt môi trường

- Do dòng nước luôn có sự lưu thông nên môi trường nước nuôi cá lồng luôn sạch, dễ quản lý chăm sóc, ít dịch bệnh xảy ra, nhờ vậy mà giảm sử dụng kháng sinh trong quá trình nuôi.

- Nuôi cá lồng trên sông sẽ giúp giảm áp lực khai thác nguồn lợi thủy sản trên sông, góp phần duy trì và phát triển hệ sinh thái tự nhiên.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thành lập Ban quản lý dự án để quản lý, điều hành.

- Giao cho Chi cục Thủy sản thực hiện dự án.

- Tổ chức triển khai thực hiện dự án theo nội dung đã được UBND tỉnh phê duyệt. Lập, triển khai kế hoạch, đánh giá kết quả thực hiện và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

- Phối hợp với Đài PTTH, Báo Hưng Yên và các cơ quan truyền thông khác thông tin, phổ biến, tuyên truyền kết quả của dự án tới cán bộ kỹ thuật và nông dân biết, áp dụng.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu, bố trí kinh phí để Chi cục Thủy sản triển khai thực hiện các nội dung dự án.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành các văn bản hướng dẫn

quản lý, cấp phát và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo quy định tài chính hiện hành.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT lồng ghép các đề tài khoa học tương thích với các nội dung của dự án, góp phần đẩy nhanh việc ứng dụng những kết quả nghiên cứu vào sản xuất.

4. Các cơ quan: Chi cục quản lý đê điều và phòng chống lụt bão, Công ty cổ phần quản lý đường sông số 2 Hưng Yên, Công ty cổ phần quản lý đường sông số 6 Hà Nội.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong việc điều tra, khảo sát địa điểm triển khai dự án nhằm đảm bảo an toàn về đê điều và giao thông đường thủy nội địa.

5. Các sở, ngành, đoàn thể khác

- Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được phân công, các sở, ban, ngành đoàn thể có liên quan phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT để triển khai thực hiện tốt các nội dung của dự án.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn phối hợp với Ban quản lý dự án chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện tốt các nội dung của dự án tại địa phương và lựa chọn các hộ tham gia, đề xuất nhu cầu về quy mô, địa điểm tham gia dự án.

- Chỉ đạo các xã, thôn tại vùng dự án triển khai thực hiện theo nội dung được giao.

7. UBND các xã, phường, thị trấn

- Phối hợp với các cơ quan chức năng và cán bộ kỹ thuật cấp tỉnh, cấp huyện tổ chức thực hiện và tuyên truyền tới các tổ chức, cá nhân để thực hiện và mở rộng quy mô dự án trên địa bàn.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân làm thủ tục đăng ký tham gia Dự án theo quy định.

- Tham gia giám sát việc thực hiện về tài chính, kỹ thuật của cơ sở theo đúng chế độ, chính sách và các quy định hiện hành.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức công tác tập huấn kỹ thuật, hội nghị, hội thảo, tổng kết rút kinh nghiệm và báo cáo kết quả thực hiện.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Phát triển nuôi cá lồng trên sông là một trong những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhằm khai thác tiềm năng diện tích mặt nước trên sông để phát triển bền vững ngành thủy sản, phấn đấu trở thành ngành sản xuất hàng hóa lớn, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; nâng cao thu nhập, vươn lên làm giàu chính đáng cho người dân; góp phần thực hiện thành công Đề án "Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững".

2. Kiến nghị


- Đề nghị UBND các huyện, thành phố có cơ chế chính sách hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân tham gia dự án phát triển nuôi cá lồng trên sông tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2019 – 2021 trên địa bàn quản lý.

- Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Dự án./

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lãnh đạo các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Sở Giao thông vận tải;
- Chi cục quản lý đê điều và phòng chống lụt bão;
- Công ty quản lý đường sông số 6 Hà Nội;
- Công ty Cổ phần quản lý đường sông số 2 Hưng Yên;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, HSDA.

GIÁM ĐỐC



Đỗ Minh Tuấn

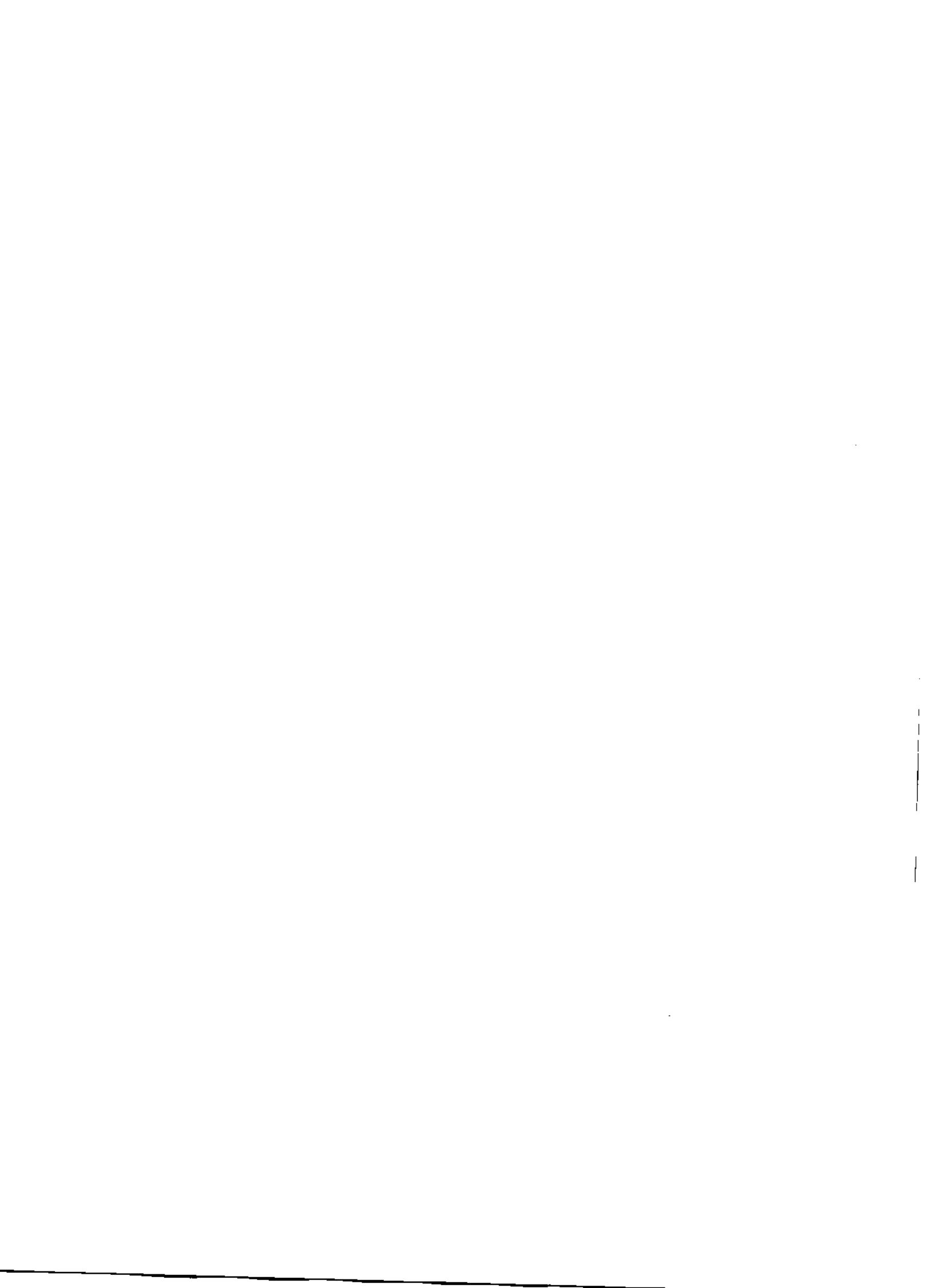
Phụ lục 1:

DVT: 1.000 đồng

Bảng phân kỳ số lượng lồng nuôi, kinh phí triển khai dự án giai đoạn 2019 - 2021



TT		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021	
		NSNN	Vốn đối ứng	NSNN	Vốn đối ứng	NSNN	Vốn đối ứng
1	Kinh phí thuê tư vấn, điều tra, khảo sát địa điểm triển khai dự án	500.000					
2	Kinh phí thuê tư vấn, thẩm tra thiết kế lồng nuôi	100.000		100.000		100.000	
3	Kinh phí xây dựng lồng nuôi						
	- Xây dựng lồng nuôi mới: 300 lồng	1.350.000	3.150.000	1.350.000	3.150.000	1.350.000	3.150.000
	- Hỗ trợ kinh phí cải tạo, nâng cấp lồng nuôi thủy sản: 320 lồng	1.760.000	8.140.000	800.000	3.700.000		
4	Đào tạo, tập huấn; hội thảo đầu bờ; hội nghị sơ kết, tổng kết	130.600	0	130.600	0	86.000	0
5	Hoạt động điều hành, quản lý, chi đạo dự án và chi khác	156.000	0	156.000	0	68.000	0
	Tổng	3.996.600	11.290.000	2.536.600	6.850.000	1.604.000	3.150.000



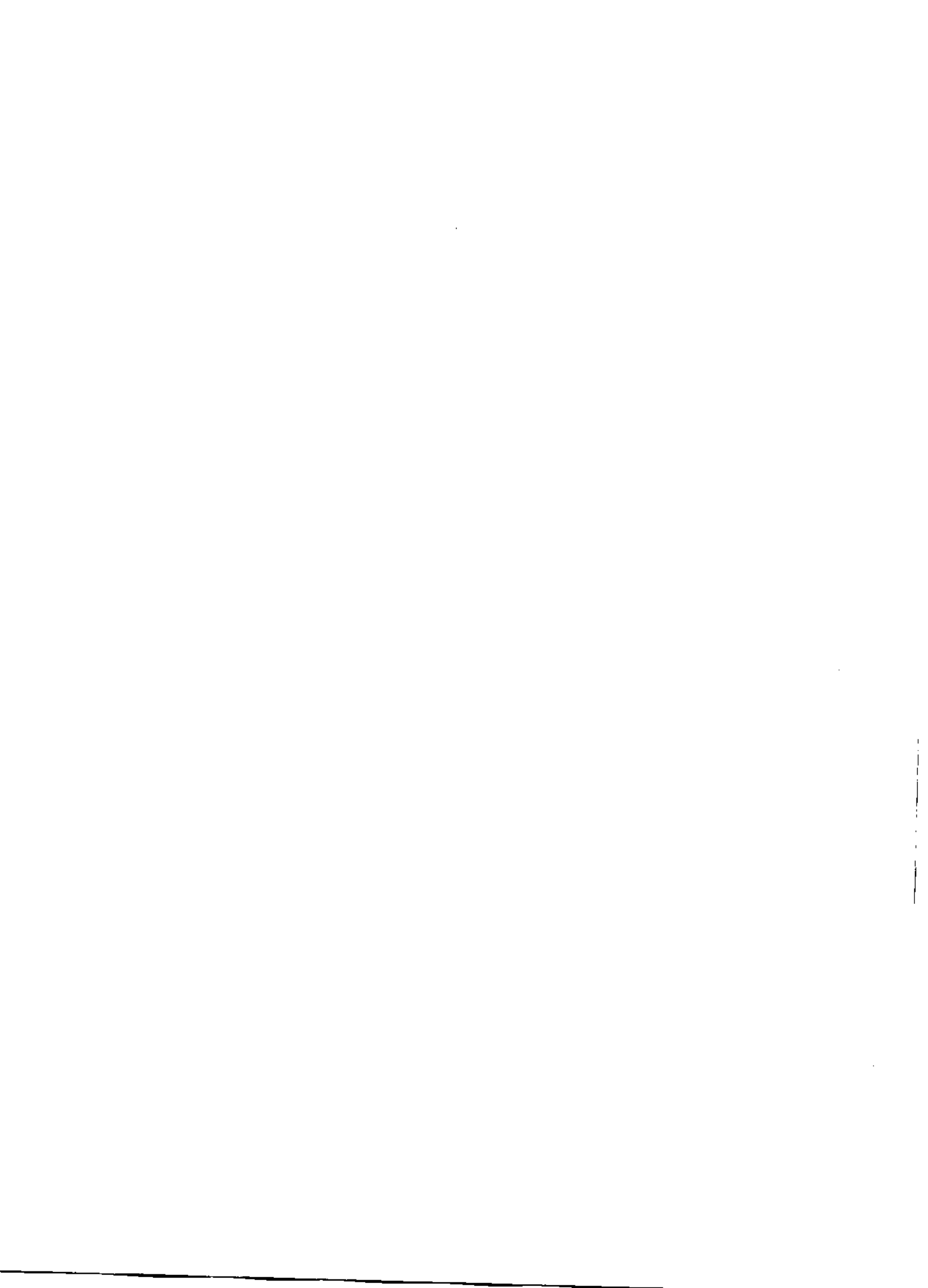


Phụ lục 2:

Bảng tổng hợp kinh phí dự án giai đoạn 2019 – 2021.

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Thành tiền	Nguồn kinh phí	
			NSNN	Vốn đối ứng
1	Kinh phí thuê tư vấn, điều tra, khảo sát địa điểm triển khai dự án (12 điểm)	500.000.000	500.000.000	
2	Kinh phí thuê tư vấn, thẩm tra thiết kế xây dựng lồng	300.000.000	300.000.000	
3	Kinh phí xây dựng lồng nuôi (300 lồng)	13.500.000.000	4.050.000.000	9.450.000.000
		- Hỗ trợ kinh phí cải tạo, nâng cấp lồng nuôi thủy sản: 320 lồng	14.400.000.000	2.560.000.000
4	Đào tạo, tập huấn; hội thảo đầu bờ; hội nghị sơ kết, tổng kết	347.200.000	347.200.000	
5	Hoạt động điều hành, quản lý, chỉ đạo dự án và chi khác	380.000.000	380.000.000	
Tổng		29.427.200.000	8.137.200.000	21.290.000.000

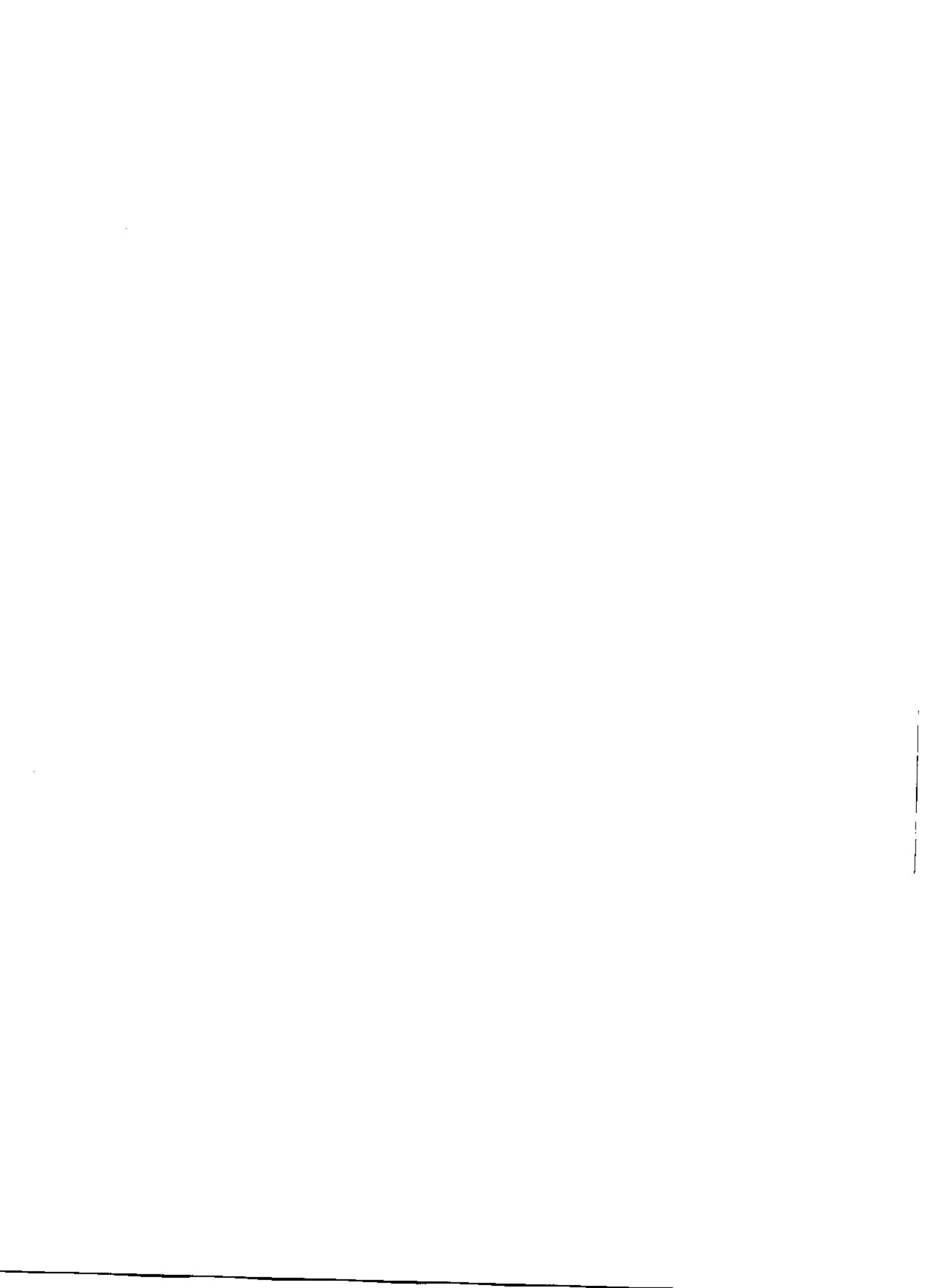




Chi tiết kinh phí thuê điều tra, khảo sát địa điểm triển khai dự án; thuê tư vấn thiết kế; kinh phí đầu tư xây dựng lồng nuôi (Kích thước 6m x 9m x 3m) và xây dựng công trình, thiết bị phụ trợ đối với cụm lồng (tối thiểu là 10 lồng/1 cụm).

Phụ lục 3:

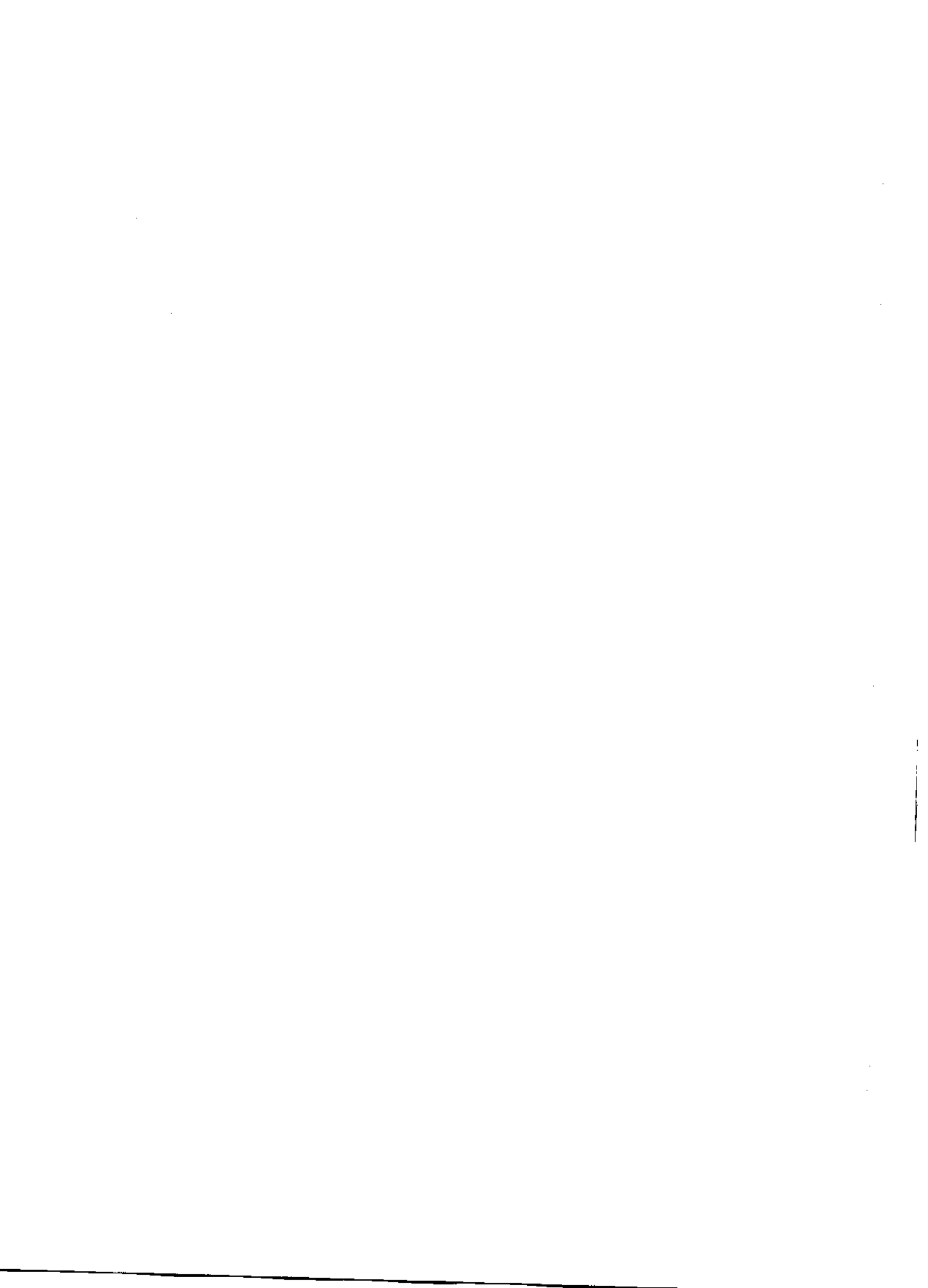
TT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Nguồn kinh phí (đồng)	
						NSNN	Vốn đối ứng
I	Thuê điều tra, khảo sát địa điểm triển khai dự án	điểm	12	41.666.000	500.000.000	500.000.000	
II	Thuê tư vấn thiết kế, xây dựng lồng nuôi	Lồng	300	1.000.000	300.000.000	300.000.000	
III	Xây dựng lồng						
1	Khung lồng						
	- Sắt Φ 48-60	cây	11	750.000	8.250.000	2.475.000	5.775.000
	- Sắt Φ 34	cây	17	680.000	11.560.000	3.468.000	8.092.000
	- Que hàn, điện			1.000.000	1.000.000	300.000	700.000
	- Công hàn			2.000.000	2.000.000	600.000	1.400.000
2	Lưới lồng (loại 02 lớp)	kg	175	70.000	12.250.000	3.675.000	8.575.000
3	Hệ thống phao nổi						
	- Tủng phuy loại 200L	cái	8	400.000	3.200.000	960.000	2.240.000
	- Can nhựa loại 20L đặt ở 4 góc và 4 cạnh	cái	8	60.000	480.000	144.000	336.000
4	Dây neo Φ 30	m	70	15.000	1.050.000	315.000	735.000
5	Đường đi bằng sắt mạ kẽm chống gỉ (giữa các lồng nuôi)	kg	140	20.000	2.800.000	840.000	1.960.000
6	Mô neo, dậu	kg	80	30.000	2.400.000	720.000	1.680.000
Tổng kinh phí xây dựng 1 lồng					45.000.000	13.500.000	31.500.000
Tổng kinh phí xây dựng 300 lồng					13.500.000.000	4.050.000.000	9.450.000.000

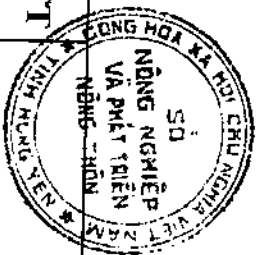




Phụ lục 4:
tiết kinh phí hỗ trợ cải tạo, nâng cấp lồng nuôi thủy sản trên địa bàn tỉnh năm 2019.

TT	Nội dung chi	DVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Hỗ trợ cải tạo, nâng cấp lồng nuôi	Lồng	320	8.000.000	2.560.000.000
	Tổng				2.560.000.000



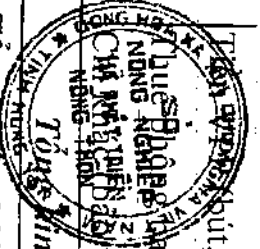


Phụ lục 5:
Kinh phí đào tạo, tập huấn, hội thảo đầu bờ, hội nghị sơ kết, tổng kết

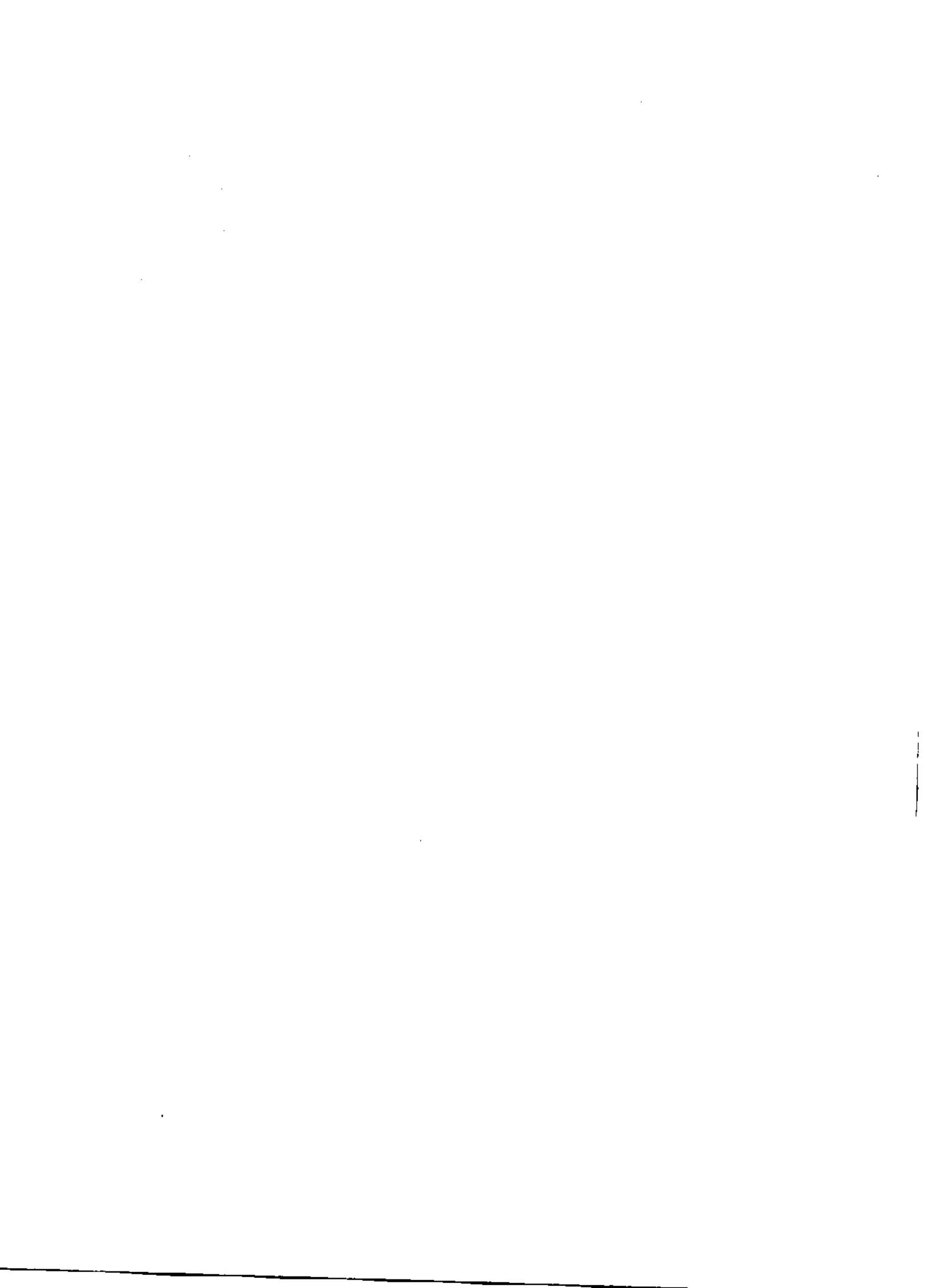
DVT: 1.000 đồng

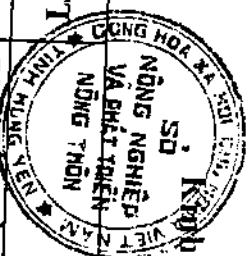
TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	NSNN
I	Đào tạo tập huấn					
1	Chi học viên (50 học viên)				12.100	12.100
1.1	Tài liệu chuyên môn (30.000đ/ bộ/ người)	Bộ	50	30	1.500	1.500
1.2	Tiền giải khát giữa giờ (40.000đ/ người/ ngày)	Người	50	40	2.000	2.000
1.3	Hỗ trợ tiền ăn cho HV (150.000đ/ người/ ngày)	Người	50	150	7.500	7.500
1.4	Tiền VPP (bút, túi cốc, vở ghi chép ...)	Bộ	50	22	1.100	1.100
2	Chi giảng viên				640	640
2.1	Thù lao giảng viên (600.000đ/ người/ ngày)	Người	1	600	600	600
2.2	Tiền giải khát giữa giờ (40.000đ/ người/ ngày)	Người	1	40	40	40
3	Chi khác				1.600	1.600
3.1	Trang trí khánh tiết (Khai giảng, bế giảng)	Hội nghị	1	800	800	800
3.2	Chi khác (bảo vệ, vệ sinh ...)	Hội nghị	4	200	800	800
Tổng kinh phí đào tạo tập huấn		Hội nghị	1	14.340	14.340	14.340
Tổng kinh phí đào tạo tập huấn (15 lớp)		Hội nghị	15	14.340	215.100	215.100
II	Hội thảo đầu bờ				83.508	83.508
1	Tài liệu chuyên môn (30.000đ/ bộ/ người)	Bộ	100	30	3.000	3.000
2	Tiền giải khát giữa giờ (40.000đ/ người/ ngày)	Người	100	40	4.000	4.000
3	Hỗ trợ tiền ăn (150.000đ/ người/ ngày)	Người	88	150	13.200	13.200





4	Tiền VPP (bút, túi cục, vở ghi chép ...)	Bộ	88	22	1.936	1.936
5	Tiền giải khát giữa giờ (40.000đ/ người/ ngày)	Hội nghị	1	4900	4.900	4.900
6	Hỗ trợ tiền ăn (150.000đ/ người/ ngày), vệ sinh ...)	Người	4	200	800	800
Tổng kinh phí hội thảo đầu bờ		Hội nghị	1		27.836	27.836
Tổng kinh phí hội thảo đầu bờ (03 hội nghị)		Hội nghị	3		27.836	83.508
III Hội nghị sơ kết					27.000	27.000
1	Khánh tiếp và phục vụ	Hội nghị	1	1000	1.000	1.000
2	Tiền giải khát giữa giờ (40.000đ/ người/ ngày)	Người	50	40	2.000	2.000
3	Hỗ trợ tiền ăn (150.000đ/ người/ ngày)	Người	20	150	3.000	3.000
4	Tài liệu chuyên môn (35.000đ/ bộ/ người)	Bộ	50	35	1.750	1.750
5	Tiền VPP (bút, túi cục, vở ghi chép ...)	Bộ	50	25	1.250	1.250
Tổng kinh phí hội nghị		Hội nghị	1		9.000	9.000
Tổng kinh phí 03 hội nghị		Hội nghị	3		27.000	27.000
IV Hội nghị tổng kết					21.592	21.592
1	Khánh tiếp và phục vụ	Hội nghị	1	1022	1.022	1.022
2	Tiền giải khát giữa giờ (40.000đ/ người/ ngày)	Người	95	40	3.800	3.800
3	Hỗ trợ tiền ăn (150.000đ/ người/ ngày)	Người	70	150	10.500	10.500
4	Tài liệu chuyên môn (35.000đ/ bộ/ người)	Bộ	95	35	3.325	3.325
5	Tiền VPP (bút, túi cục, vở ghi chép ...)	Bộ	95	31	2.945	2.945
Tổng kinh phí hội nghị tổng kết					21.592	21.592
Tổng kinh phí I + II + III + IV					347.200	347.200





Chi phí hoạt động điều hành, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án và chi khác (năm 2019 - 2021)

Phụ lục 6

DVT: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	NSNN
I						
Chi phí nhân sự						
1	Phụ cấp BQL cấp tỉnh, tương đương ban (500.000đ/ ng/ tháng * 1 người/ tháng * 36 tháng)	Người	1	18.000	18.000	18.000
2	Phụ cấp BQL cấp tỉnh, phó ban (400.000đ/ ng/ tháng * 02ng/ tháng * 36 tháng)	Người	2	14.400	28.800	28.800
3	Phụ cấp BQL cấp tỉnh, tổ kỹ thuật (300.000đ/ ng/ tháng * 12ng/ tháng * 36 tháng)	Người	12	10.800	129.600	129.600
4	Phụ cấp BQL cấp huyện, tổ kỹ thuật (200.000đ/ người/ tháng * 12 tháng)	Người	10	2.400	24.000	24.000
5	Tham quan học tập kinh nghiệm, chỉ đạo điều hành	Năm	3	30.000	90.000	90.000
II						
Chi phí khác						
1	Xăng xe, thuê xe kiểm tra	Năm	3	42.000	126.000	126.000
2	Dụng cụ, văn phòng phẩm phục vụ chuyên môn	Năm	3	12.000	36.000	36.000
3	Báo cáo kết quả thực hiện dự án từng năm	Bản	2	2.000	4.000	4.000
4	Báo cáo kết quả tổng kết giai đoạn 2019 - 2021	Bản	1	5.000	5.000	5.000
5	Chi khác				8.600	8.600
Tổng cộng (I + II)					380.000	380.000

